

Bản án số: **37/2020/HS-ST.**
Ngày 25/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Lý Thị Nhân

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị
Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên
Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLST-
HS, ngày 11 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
40/2020/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Ngọc T**, sinh ngày 25/8/1993;

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Khu T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động
tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích N; anh,
chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

**Người bị hại:* Anh Trần Công T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 27/11/2019, tại km7 đường Quốc lộ 2, hướng
Tuyên Quang đi Hà Nội, Trần Công T; cư trú: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên
Quang là nhân viên phụ xe ô tô khách biển kiểm soát 22B-005.99 của nhà xe Cường
An đang chạy tuyến Tuyên Quang – Mỹ Đình, nhìn thấy xe ô tô khách biển kiểm

soát 23B-002-32 của nhà xe Ngọc Minh đang chạy tuyến Hà Giang – Mỹ Đình đi cùng chiều phía trước. T gọi điện thoại cho Lê Ngọc T; cư trú: Khu T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương đang phụ xe ô tô khách biển kiểm soát 23B-002.32 cho nhà xe Ngọc Minh để hỏi T lý do tại sao xe Ngọc Minh lại đi trước xe Cường An. T và T cãi nhau. Khi đến km9 đường Quốc lộ 2, hướng Tuyên Quang đi Hà Nội, thuộc thôn H, xã L, thành phố Q, T bảo anh Nguyễn Xuân V; cư trú tại tổ 14, phường M, thành phố Q là nhân viên lái xe Cường An điều khiển xe vượt lên phía trước xe Ngọc Minh và dừng lại để T nói chuyện với T. Khi anh V điều khiển xe vượt lên phía trước dừng lại thì anh Dương Văn H; cư trú tại tổ 9, phường T, thành phố G là nhân viên lái xe Ngọc Minh điều khiển xe dừng lại ở phía sau xe Cường An. T xuống xe đi đến cửa xe gọi T1 xuống, T và T1 cãi nhau, T dùng tay tát vào mặt T1, T1 dùng tay nắm lại vào mặt T. T và T1 cùng xông vào dùng chân tay đánh nhau, T1 dùng tay ghì cổ T đẩy ra trước đầu xe Ngọc Minh thì được anh V và anh H can ngăn, kéo tách hai người ra. T chạy lên xe Cường An lấy được 01 con dao dài 20cm (chuôi dao bằng nhựa màu vàng dài 9cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm), bản lưỡi rộng 24cm, trên lưỡi dập chữ KIWI – BRAND và 01 vật có hình dạng nhọn giống như một chiếc tuốc nơ vít quay lại chỗ T1. T dùng tay trái cầm dao, tay phải cầm vật nhọn khía khoảng thì trúng vào hõm nách, ngón tay, cẳng tay trái của T1, T1 lao vào dùng chân tay đánh đá nhiều nhất vào người T. Sau đó T1 lại tiếp tục chạy lên xe Ngọc Minh lấy 01 đoạn gậy gỗ dài 82cm, đường kính 2,5cm màu nâu, trên thân gậy có 04 rãnh, chạy về phía T, tay phải T1 cầm gậy vụt nhiều nhất vào người T làm T ngã gục xuống đường. Lúc này, mọi người vào can ngăn thì T1 cầm gậy gỗ cật vào xe Ngọc Minh rồi đón xe ô tô khách đi về phía Hà Nội; còn T được đưa đến Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang điều trị.

Tại Kết luận pháp y về thương tích số 278/2019/TgT ngày 06/01/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang đối với thương tích của Trần Công T. Dấu hiệu chính qua giám định: gãy mỏm khuỷu xương trụ tay phải còn phượng tiện kết hợp xương 10%; Sọ phẫu thuật khuỷu tay phải 2%; sẹo phần mềm vùng trán trái (vùng mắt) 3%; vết thâm do xây xước da (không được ghi nhận trong bệnh án) ở hô thái dương phải hết sẽ không để lại sẹo 0%. Cơ chế vật gây thương tích: Sẹo vùng trán và gãy hõm xương trụ do vật tày tác động trực tiếp gây nên; sẹo cẳng tay phải là do phẫu thuật. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14% (Mười bốn phần trăm), tính theo phương pháp cộng lùi của Thông tư hướng dẫn.

Tại kết luận pháp y về thương tích số 279/2019/TgT ngày 06/01/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang đối với thương tích của Lê Ngọc T. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương phần mềm để lại sẹo vùng dưới hõm nách trái và ngón út tay trái kích thước như mô tả, mỗi sẹo 1%; các tổn thương xây xước da nông cẳng tay trái và ngón tay trái như mô tả sẽ không để lại sẹo 0%. Cơ chế vật gây thương tích: Thương tích để lại sẹo vùng dưới hõm nách trái là do vật tày tác động trực tiếp gây nên; các vết xây xước và rách da cẳng tay, ngón út và ngón tay cái trái là do vật góc cạnh tác động trực tiếp gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 2% (Hai phần trăm).

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSTP, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Lê Ngọc T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản

1 Điều 134) Bộ luật hình sự; Trần Công T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T trình bày ý kiến rút toàn bộ yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Trần Công T. Bị cáo T1 cam đoan việc rút yêu cầu của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, do bị cáo và bị cáo T đã hòa giải được với nhau, hai bên không còn khúc mắc gì nữa. Hội đồng xét xử đã hội ý cùng thống nhất xem xét việc rút yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Công T của bị cáo T1 theo quy định; tuyên đình chỉ vụ án đối với Trần Công T trong cùng bản án đối với bị cáo T1; thay đổi tư cách tham gia tố tụng của Trần Công T tại phiên tòa; Trần Công T tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách là người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa Lê Ngọc T đã rút toàn bộ yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Công T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ vụ án đối với Trần Công T. Đối với bị cáo Lê Ngọc T, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử Lê Ngọc T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Ngọc T về tội Cố ý gây thương tích. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận của hai bên về phần bồi thường dân sự; xem xét án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Lê Ngọc T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát; khi nói lời sau cùng Thẳng tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi của mình là sai.

Trần Công T xác nhận Lê Ngọc T đã bồi thường toàn bộ cho T theo yêu cầu, số tiền 10.000.000 đồng T nhận tại Tòa án trước khi Hội đồng xét xử làm việc; 10.000.000 đồng T1 đã nộp trước tại Cơ quan thi hành án dân sự, khi bản án có hiệu lực T sẽ làm đơn yêu cầu để được chi trả khoản tiền này. Ngoài ra, T không yêu cầu T1 bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Đồng thời, T cũng xác định, hai bên đã hòa giải được với nhau, T1 cũng cùng cảnh đi làm thuê như T, việc xảy ra lỗi phần nhiều do T nên T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T1 ở mức thấp nhất và cho T1 được cải tạo tại địa phương để T1 còn đi làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của Lê Ngọc T, Trần Công T và những người làm chứng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản hiện trường; kết luận giám định thương tích, vật chứng được thu giữ. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 27/1/2019, tại Km9 đường Quốc lộ 2, hướng Tuyên Quang đi Hà Nội, thuộc thôn H, xã L, thành phố Q. Trần Công T, cư trú tại xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là nhân viên phụ xe ô tô khách biển kiểm soát 22B-005.99 của nhà xe Cường An và Lê Ngọc T, cư trú tại Khu T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương là nhân viên phụ xe ô tô khách biển kiểm soát 23B-002.32 của nhà xe Ngọc Minh. Do có mâu thuẫn về giờ chạy xe ô tô khách giữa 02 xe, T đã có hành vi dùng tay tát vào mặt T1 và dùng 01 con dao dài 20cm (chuôi dao bằng nhựa màu vàng dài 9cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm), bản lưỡi rộng 2,4cm và có 01 vật hình dạng nhọn giống như chiếc tuốc nơ vít (là hung khí nguy hiểm) khua khoắng trúng vào hõm nách, ngón út, cẳng tay trái của T1 gây thương tích tổn thương cơ thể 2% (Hai phần trăm). T1 có hành vi dùng chân, tay đấm đá nhiều nhất vào người T. Sau đó T1 có hành vi dùng 01 đoạn gậy gỗ dài 82cm, đường kính 2,5cm (là hung khí nguy hiểm) vụt nhiều nhất vào người T gây thương tích tổn thương cơ thể 14% (Mười bốn phần trăm). Hành vi dùng gậy đánh thương tích, gây tổn hại 14% sức khỏe của T mà T1 đã thực hiện là trái pháp luật, phạm vào tội Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố Lê Ngọc T như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo Lê Ngọc T thực hiện gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác. Bị cáo T1 là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi; có trình độ học vấn. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc dùng hung khí gây tổn hại sức khỏe cho người khác là hành vi trái pháp luật. Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi trong trạng thái bị kích động do hành vi trái pháp luật của Trần Công T. Nhưng tại hiện trường khi xảy ra vụ án không chỉ có mình bị cáo và T mà còn có nhiều người khác can ngăn, bị cáo hoàn toàn có thể lựa chọn cách cư xử khác. Nhưng do không kiềm chế được bản thân bị cáo đã dùng gậy gây thương tích cho T. Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là do lỗi cố ý. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo Thắng đã thực hiện cũng như thương tích của Trần Công T, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo T1 mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Ngọc T không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lê Ngọc T đã bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người bị hại; bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi trái pháp luật mà bị cáo đã thực hiện; Trần Công T có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa T tiếp tục xin cho Thắng được cải tạo tại địa phương; ông ngoại của bị cáo T1, ông Nguyễn Dân P được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là

các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo Lê Ngọc T là người có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo tuổi còn trẻ. Nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng là để giúp bị cáo có ý thức tích cực trong quá trình cải tạo, rèn luyện để trở thành người công dân có ích. Trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt án treo bị cáo phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thi hành án treo, nếu thay đổi nơi cư trú trong thời gian thi hành án bị cáo phải thực hiện quy định của Luật thi hành án hình sự.

Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Đối với hành vi trái pháp luật của Trần Công T gây thương tích, tổn hại 2% sức khỏe cho Lê Ngọc T. Tại phiên tòa Lê Ngọc T đã có đơn và có ý kiến rút toàn bộ yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Công T. Xét thấy việc rút yêu cầu của Thắng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái với các quy định của pháp luật, nên đình chỉ vụ án đối với Trần Công T.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao dài 20cm, chuôi dao bằng nhựa màu vàng dài 9cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm, bản rộng 2,4cm, trên lưỡi dập chữ KIWI – BRAND và 01 đoạn gậy gỗ dài 82cm, đường kính 2,5cm màu nâu, trên thân gậy có 04 rãnh. Đây là các công cụ mà Trần Công T và Lê Ngọc T đã sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với vật chứng không thu giữ được là 01 có đầu nhọn giống tuốc nơ vít Thịnh dùng để gây thương tích cho Thắng, đã được Lê Ngọc T và Trần Công T xác nhận tại phiên tòa. Do không thu giữ được vật chứng này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu SAMCO, loại xe 34 chỗ ngồi, biển kiểm soát 23B-002.32 màu sơn đỏ, ngày 06/12/2019 đã trả lại cho ông Lê Ngọc H (đại diện theo ủy quyền của HTX vận tải Trần Phú); 01 xe ô tô nhãn hiệu JIWO LIMOUSINE loại xe 47 chỗ ngồi, biển kiểm soát 22B-005.99, màu sơn hồng, ngày 06/12/2019 đã trả lại cho ông Hán Trọng B (đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần vận tải ô tô Tuyên Quang). Việc trả lại 02 xe ô tô là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa Lê Ngọc T và Trần Công T trước khi Hội đồng xét xử bắt đầu phiên tòa. Lê Ngọc T đã bồi thường cho Trần Công T số tiền 20.000.000 đồng; số tiền 10.000.000 đồng T1 đã giao trực tiếp cho T có xuất trình giấy biên nhận tiền cho Hội đồng xét xử; số tiền 10.000.000 đồng Thắng nộp ngày 21/5/2020 theo Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật T làm đơn yêu cầu để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q chi trả cho T. Bị cáo T1 đã bồi thường xong, T không còn yêu cầu bồi thường nào khác.

[8] Đối với số tiền 2.200.000 đồng Trần Công T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q thể hiện tại 02 biên lai thu tiền ngày 18/5/2020 mà T nộp cho

Tòa án. Do T1 không yêu cầu T bồi thường, T không phải nộp tiền án phí nên trả lại cho Trần Công T số tiền 2.200.000 đồng mà T đã nộp.

[9] Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; Điều 282, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ giải quyết vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Công T**, sinh ngày 05/11/1993; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Trả lại cho Trần Công T số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*), theo 02 Biên lai thu tiền số 0001286 và số 0001285, ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

2. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Ngọc T**, phạm tội *Cố ý gây thương tích*.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T **02 (Hai)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04 (Bốn)** năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/5/2020.

Giao bị cáo Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo Lê Ngọc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

*Trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa Lê Ngọc T và Trần Công T trước khi mở phiên tòa. Bị cáo Lê Ngọc T đã bồi thường cho Trần Công T số tiền 20.000 000 đ (*Hai mươi triệu đồng*); số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) Thắng đã giao trực tiếp cho Thịnh; số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) Thắng nộp ngày 21/5/2020 theo Biên lai thu tiền số 0001287 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Thịnh làm đơn yêu cầu để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q chi trả cho Trần Công T theo quy định.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 con dao dài 20cm, chuôi dao bằng nhựa màu vàng dài 9cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm, bản rộng 2,4cm, trên lưỡi dập chữ KIWI – BRAND và 01 đoạn gậy gỗ dài 82cm, đường kính 2,5cm màu nâu, trên thân gậy có 04 rãnh.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q)

*Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND p.Nam Đồng, tp.Hải Dương, t. Hải Dương;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo – Trần Thị Thanh Khiêm

Lương Thanh Huyền

